

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2021/DS-ST
Ngày: 24-9-2021
v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:
Bà Trần Lê Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-DS ngày 28/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2021/QĐST-DS ngày 25/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2021/QĐST-DS ngày 16/9/2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

Trụ sở: Số 45 D, phường B, Quận 1, TP. Hồ chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh Trung Việt: Số 34 - 36 Q, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn Q- chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ (Văn bản ủy quyền số 40/2019/UQ-CT.HĐQT ngày 04/11/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP P; Giấy ủy quyền số 144/GUQ-OCB20 ngày 15/12/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP P chi nhánh Trung Việt) (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn H - Sinh năm: 1965 (Vắng mặt lần thứ hai)

Và bà Thái Thị Thanh B- Sinh năm: 1973 (Vắng mặt lần thứ hai).

Địa chỉ: Tổ 33 phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2020 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng P), Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng P có cho ông Trần Văn H và bà Thái Thị Thanh B vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 0220/2019/PLC/HĐTD ngày 14/5/2019 với số tiền 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay 180 tháng (kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân là ngày 14/5/2017), ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24/5/2034; lãi suất cho vay trong hạn: Theo thỏa thuận tại khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: thanh toán tiền mua bất động sản tại thửa đất số 318, tờ bản đồ 75. Địa chỉ: Lô 42 phân khu B2-15, khu dân cư phía nam đường Nguyễn Tất Thành nối dài, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là bất động sản tại địa chỉ: Thửa đất số 1715, tờ bản đồ số 11, tổ 24, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 521959 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 26/9/2007 cho bà Thái Thị Thanh B) theo Hợp đồng thế chấp số 0220/2019/PLC/HĐTC ngày 14/05/2019. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Trong quá trình quan hệ tín dụng, ông Trần Văn H và bà Thái Thị Thanh B vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên. Ngân hàng P cũng đã có nhiều lần liên lạc, làm việc yêu cầu ông H và bà B trả nợ nhưng ông H và bà B chây ỳ không hợp tác. Do đó, Ngân hàng P đã khởi kiện ông H và bà Bình.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Buộc ông Trần Văn H và bà Thái Thị Thanh B thanh toán cho Ngân hàng P tổng số tiền còn nợ là 1.035.063.102 đồng , trong đó nợ gốc là 908.944.862 đồng và nợ lãi là 126.118.240 đồng (tạm tính đến ngày 24/9/2021).

2. Buộc ông Trần Văn H và bà Thái Thị Thanh B phải thanh toán cho Ngân hàng P số tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 0220/2019/PLC/HĐTD ngày 14/05/2019 kể từ ngày 25/9/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ..

3. Trong trường hợp ông Trần Văn H và bà Thái Thị Thanh B không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng P được quyền xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết để Ngân hàng thu hồi nợ.

Đối với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/6/2021 thì Ngân hàng P không có ý kiến gì.

** Tại đơn trình bày đề ngày 22/3/2021, bị đơn bà Thái Thị Thanh Btrình bày:* Nguyên bà có nợ Ngân hàng P và thế chấp bằng tài sản đứng tên bà sở hữu. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid, kinh tế khó khăn nên bà đã chậm trả lãi và gốc cho Ngân hàng. Ngoài ra bà không nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với bị đơn ông Trần Văn H: Mặc dù ông Trần Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Văn H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2020 thì nguyên đơn Ngân hàng P yêu cầu bị đơn ông Trần Văn H và bà Thái Thị Thanh Btrả số tiền nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 0220/2019/PLC/HĐTD ngày 14/05/2019 với mục đích vay là thanh toán tiền mua bất động sản. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ tại: Tổ 33 phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng P với ông

Trần Văn H, bà Thái Thị Thanh Bthuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Bị đơn ông Trần Văn H và bà Thái Thị Thanh Bđã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà Bình.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền nợ gốc và nợ lãi:

[2.1.1] Ngày 14/5/2019, giữa ông H, bà Bvà Ngân hàng P có ký kết Hợp đồng tín dụng số 0220/2019/PLC/HĐTD để vay số tiền 1.000.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với Điều 117 Bộ luật Dân sự và các Điều 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như Hợp đồng tín dụng số 0220/2019/PLC/HĐTD ngày 14/05/2019; Khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số 0220/2019/PLC/KUNN ngày 14/05/2019, HĐXX có cơ sở để xác định ông H và bà Bcó quan hệ tín dụng với Ngân hàng P.

[2.1.2] Theo khoản 2 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng số 0220/2019/PLC/HĐTD ngày 14/5/2019 và khoản 5 Điều 1 Khế ước nhận nợ - khách hàng cá nhân số 0220/2019/PLC/KUNN ngày 14/05/2019 thì thời hạn vay số tiền 1.000.000.000 đồng là 180 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên là ngày 14/5/2019 đến ngày 14/5/2034. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi và các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các cam kết đã ký kết. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông H và bà Bcó nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng P đúng hạn hàng tháng. Tuy khoản vay trên chưa đến hạn, nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H và bà Bđã vi phạm phân kỳ trả nợ từ ngày 05/10/2020. Do đó, Ngân hàng P đã khởi kiện ông H và bà Bthanh toán toàn bộ số tiền nợ trước hạn là phù hợp với thỏa thuận của hai bên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng nêu trên và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.1.3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ông H và bà Bcòn nợ Ngân hàng P tổng số tiền là 1.035.063.102 đồng, trong đó nợ gốc là 908.944.862 đồng và nợ lãi là 126.118.240 đồng (tạm tính đến ngày 24/9/2021). HĐXX xét thấy: Bị đơn ông H và bà Bđã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng P. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P buộc ông H và bà Bcó nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền là 1.035.063.102 đồng , trong đó nợ gốc là 908.944.862 đồng và nợ lãi là 126.118.240 đồng và lãi tiếp tục tính từ ngày 25/9/2021 cho

đến khi ông H và bà B trả dứt điểm số tiền trên theo lãi suất đã ký kết là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng số 0220/2019/PLC/HĐTD ngày 14/5/2019 cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông H và bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[2.2.1] Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông H và bà B đối với các khoản vay tại Ngân hàng, ông H và bà B đã thế chấp tài sản là bất động sản tại địa chỉ: Thửa đất số 1715, tờ bản đồ số 11, tổ 24, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 521959 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 26/9/2007 cho bà Thái Thị Thanh B) theo Hợp đồng thế chấp số 0220/2019/PLC/HĐTC ngày 14/05/2019. Hợp đồng thế chấp này được ký kết dựa trên sự tự nguyện của các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và được Văn phòng công chứng Trần Văn Hùng công chứng theo quy định, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận Cẩm Lệ nên có hiệu lực thi hành theo quy định tại các Điều 117, 298, 317, 401 Bộ luật Dân sự.

[2.2.2] Tại biên bản ghi kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/6/2021 thể hiện tài sản thế chấp gồm nhà và đất, cụ thể:

Về đất: Quyền sử dụng đất có diện tích 72,4 m² tại thửa đất số 1715, tờ bản đồ số 11 tọa lạc ở địa chỉ: Tổ 24 phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 521959 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 26/9/2007 cho bà Thái Thị Thanh B).

Về nhà: Nhà cấp 4, số tầng: 01, kết cấu: tường xây, mái lợp tôn, nền gạch hoa, có diện tích xây dựng 72,4 m². Hiện tại nhà và đất nêu trên do ông H và bà B đang quản lý, sử dụng. Đối với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/6/2021 thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bà B không có ý kiến gì.

[2.2.3] Vì vậy, trong trường hợp ông H và bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và Nhà cấp 4, số tầng: 01, kết cấu: tường xây, mái lợp tôn, nền gạch hoa, có diện tích xây dựng 72,4 m² tại thửa đất số 1715, tờ bản đồ số 11 tọa lạc ở địa chỉ: Tổ 24 phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 521959 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 26/9/2007 cho bà Thái Thị Thanh B) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 712017/HĐTC

ngày 14/5/2019 sẽ được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng P để Ngân hàng thu hồi nợ theo quy định tại các Điều 299, 320, 323 Bộ luật Dân sự.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là cơ sở phù hợp với nhận định trên của HĐXX nên được chấp nhận.

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn H và bà Thái Thị Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $36.000.000 + 3\% \times (1.035.063.102 - 800.000.000) = 43.051.893$ đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng. Ngân hàng P đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 157, 158, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 298, 299, 317, 320, 323, 398, 401 Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Các Điều 13, 18, 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Trần Văn H và bà Thái Thị Thanh B.

2. Buộc ông Trần Văn H và bà Thái Thị Thanh B phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P tổng số tiền là 1.035.063.102 đồng, trong đó nợ gốc là 908.944.862 đồng và nợ lãi là 126.118.240 đồng (tạm tính đến ngày 24/9/2021).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần Văn H và bà Thái Thị Thanh B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và Nhà cấp 4, số tầng: 01, kết cấu: tường xây, mái lợp tôn, nền gạch hoa, có diện tích xây dựng 72,4 m² tại thửa đất số 1715, tờ bản đồ số 11 tọa lạc ở địa chỉ: Tổ 24 phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 521959 do UBND quận Cẩm Lệ cấp ngày 26/9/2007 cho bà Thái Thị Thanh B) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 712017/HĐTC ngày 14/5/2019 sẽ được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần P để Ngân hàng thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn H và bà Thái Thị Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.051.893 đồng (Bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi một nghìn tám trăm chín mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí 20.272.378 đồng (Hai mươi triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng) theo biên lai thu số 0008646 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) Ngân hàng TMCP P tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP P đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền

